

Số: 208/BC-UBND

Bạch Long Vĩ, ngày 08 tháng 9 năm 2026

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện cải cách hành chính quý III và phương hướng, nhiệm vụ thực hiện trong quý IV năm 2026 của đặc khu Bạch Long Vĩ

Kính gửi: Sở Nội vụ.

Thực hiện Văn bản số 2237/UBND-NVKTGS ngày 27/8/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc thực hiện chế độ báo cáo cải cách hành chính định kỳ, Ủy ban nhân dân đặc khu Bạch Long Vĩ báo cáo kết quả thực hiện cải cách hành chính quý III và phương hướng nhiệm vụ quý IV năm 2026 như sau:

1. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Ban hành văn bản chỉ đạo, điều hành

Triển khai các văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân đặc khu Bạch Long Vĩ đã ban hành văn bản chỉ đạo thực hiện công tác cải cách hành chính trên địa bàn đặc khu, cụ thể như sau:

- Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 ban hành Kế hoạch CCHC đặc khu năm 2026, xác định rõ các mục tiêu, nhiệm vụ và trách nhiệm triển khai thực hiện của các phòng, ban, đơn vị; có danh mục nhiệm vụ, công việc cụ thể, xác định rõ đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp, sản phẩm, thời gian thực hiện hoàn thành kèm theo.

- Quyết định số 57/QĐ-UBND ngày 28/01/2026 Ban hành Kế hoạch tuyên truyền CCHC năm 2026.

- Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 05/3/2026 Về việc Ban hành Quy chế tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính trên địa bàn đặc khu Bạch Long Vĩ

- Quyết định số 109/QĐ-UBND ngày 16/4/2026 Ban hành Kế hoạch CCHCNN trọng tâm giai đoạn 2026 – 2030 của đặc khu Bạch Long Vĩ

- Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 09/01/2026 thực hiện công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2026.

- Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 09/01/2026 của UBND thực hiện công tác kiểm tra, xử lý văn bản QPPL năm 2026.

- Kế hoạch số 10/KH-UBND ngày 23/01/2026 ban hành Kế hoạch theo dõi việc thi hành văn bản QPPL năm 2026.

- Công văn số 433/UBND-TTPVHCC ngày 07/4/2026 Vv triển khai Hệ thống thông tin giải quyết TTHC các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ

- Công văn số 468/UBND-TTPVHCC ngày 13/4/2026 V/v rà soát, cắt giảm đơn giản hóa TTHC theo Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025.

- Công văn số 609/UBND-TTPVHCC ngày 11/5/2026 V/v tổ chức thực hiện tiếp nhận và giải quyết TTHC trên Hệ thống TTGQTTHC tập trung của Bộ Tư pháp

2. Đánh giá, cập nhật tiến độ thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính năm 2024.

Ủy ban nhân dân đặc khu chỉ đạo các phòng, ban, đơn vị tập trung triển khai các nhiệm vụ cải cách hành chính đã được giao trong Kế hoạch cải cách hành chính của đặc khu đảm bảo tiến độ, chất lượng theo yêu cầu. Tính đến thời điểm báo cáo, đặc khu đã thực hiện hoàn thành 20/26 nhiệm vụ đề ra tại Kế hoạch cải cách hành chính năm 2026, các nhiệm vụ còn lại đang được triển khai thực hiện theo tiến độ đề ra.

3. Về công tác kiểm tra cải cách hành chính, kỷ luật, kỷ cương công vụ

- Ngày 05/3/2026, Ủy ban nhân dân đặc khu đã ban hành Kế hoạch kiểm tra nội bộ công tác cải cách hành chính nhà nước, kiểm soát thủ tục hành chính; công tác phòng, chống tham nhũng, kiểm soát xung đột lợi ích và chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ năm 2026.

- Quán triệt cán bộ, công chức các phòng, ban, đơn vị thực hiện nghiêm về kỷ luật, kỷ cương công vụ; không gây phiền hà, sách nhiễu, tiêu cực trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ.

- Yêu cầu nâng cao chất lượng tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính của các phòng, bộ phận chuyên môn; việc tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của người dân và tổ chức; việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương công vụ của cán bộ, công chức, viên chức trong giải quyết thủ tục hành chính và thi hành công vụ.

4. Về công tác thông tin tuyên truyền cải cách hành chính

- Ngày 28/01/2026, UBND đặc khu ban hành Quyết định số 57/QĐ-UBND về tuyên truyền cải cách hành chính nhà nước đặc khu Bạch Long Vĩ năm 2026.

- Tiếp tục đổi mới phương pháp, hình thức tuyên truyền; đẩy mạnh công tác tuyên truyền với các hình thức phù hợp với điều kiện thực tế của đặc khu, trong đó tập trung đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về cải cách hành chính; tuyên truyền về tầm quan trọng, ý nghĩa, mục tiêu của cải cách hành chính, của chuyển đổi số nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức và người dân hiểu rõ ý nghĩa và tầm quan trọng của thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính.

- Trong các cuộc họp thường kỳ, đột xuất, mở rộng, Ủy ban nhân dân đặc khu lồng ghép nội dung đánh giá về tình hình, kết quả cải cách hành chính, chuyển đổi số của đặc khu để kịp thời chỉ đạo tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn trong thực hiện nhiệm vụ; đưa nội dung thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính làm tiêu chí đánh giá, xếp loại công chức, viên chức của đặc khu hằng năm.

5. Thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch, Ủy ban nhân dân thành phố giao

- Ủy ban nhân dân đặc khu đang thực hiện 52 nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch UBND Thành phố giao, trong đó:

- + Hoàn thành đúng hạn: 16 nhiệm vụ.
- + Hoàn thành quá hạn: 0 nhiệm vụ
- + Nhiệm vụ đang thực hiện trong hạn: 36 nhiệm vụ.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế

a) Công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật

Trong quý III/2026, Ủy ban nhân dân đặc khu không ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

b) Công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật

- Triển khai công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2026 trên địa bàn đặc khu và công tác kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật năm 2026, Ủy ban nhân dân đặc khu đã ban hành các Kế hoạch: số 01/KH-UBND ngày 09/01/2026 thực hiện công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2026; số 02/KH-UBND ngày 09/01/2026 của UBND thực hiện công tác kiểm tra, xử lý văn bản QPPL năm 2026.

- Tổ chức thực hiện công tác rà soát, kiểm tra văn bản QPPL theo hướng dẫn và báo cáo đầy đủ thông tin theo yêu cầu của thành phố.

c) Công tác theo dõi thi hành pháp luật

- Ngày 23/01/2026, Ủy ban nhân dân đặc khu ban hành Kế hoạch số 10/KH-UBND về theo dõi thi hành pháp luật trên địa bàn đặc khu năm 2026.

- Căn cứ các văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố, văn bản hướng dẫn của Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân đặc khu triển khai công tác về quản lý xử lý vi phạm hành chính; theo dõi thi hành pháp luật; tư vấn, hướng dẫn áp dụng pháp luật cho người dân, tổ chức.

2. Cải cách thủ tục hành chính

- Ngày 05/02/2025, Ủy ban nhân dân đặc khu đã có Quyết định số 25/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch kiểm soát TTHC và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông năm 2025 của đặc khu Bạch Long Vĩ.

- Đẩy mạnh dịch vụ công trực tuyến, Ủy ban nhân dân đặc khu đã ban hành các Văn bản chỉ đạo khai thác, sử dụng dữ liệu Sổ sức khỏe điện tử trên VNeID thay thế sổ giấy trong giải quyết thủ tục hành chính, tổ chức tiếp nhận và giải quyết TTHC trên các Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của các Bộ, ngành theo chỉ đạo đảm bảo thông suốt, không để TTHC quá hạn.

- Căn cứ các Quyết định sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, ban hành mới danh mục thủ tục hành chính các lĩnh vực của Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân đặc khu đã tiến hành công khai, niêm yết đầy đủ, kịp thời theo quy định các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của đặc khu trên Cổng thông tin điện tử đặc khu và tại Bộ phận một cửa đặc khu.

- Tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức trong việc phán ánh, kiến nghị về quy định thủ tục hành chính, đặc khu đã niêm yết công khai địa chỉ tiếp nhận phản ánh kiến nghị, số điện thoại đường dây nóng về thủ tục hành chính, danh sách công chức trực tiếp giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận Một cửa và Cổng thông tin điện tử đặc khu.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

- Căn cứ Quyết định số 1637/QĐ-UBND ngày 24/4/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân đặc khu Bạch Long Vĩ đã xây dựng, phê duyệt bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm cán bộ, công chức, người lao động thuộc cơ quan Ủy ban nhân dân đặc khu Bạch Long Vĩ tại Quyết định số 130/QĐ-UBND ngày 26/5/2026.

- Sử dụng, bố trí số lượng công chức theo từng vị trí việc làm đảm bảo không vượt quá số biên chế được cấp có thẩm quyền giao hàng năm và đảm bảo thực hiện lộ trình tinh giản biên chế theo quy định.

- Rà soát, bố trí cán bộ, công chức vào vị trí việc làm đảm bảo tiêu chuẩn, tỷ lệ đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt và quy định tại Nghị định số 361/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm công chức.

- Thực hiện việc sử dụng, quản lý công chức và lao động hợp đồng theo quy định; bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quy mô quản lý, tính chất, yêu cầu nhiệm vụ.

4. Xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức

- Rà soát, thực hiện quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại các chức vụ lãnh đạo, quản lý tại một số phòng, ban, đơn vị thuộc thẩm quyền theo quy định về phân cấp.

- Tổ chức cho cán bộ, công chức tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, tiếp cận, sử dụng, khai thác các ứng dụng phục vụ cho công việc.

- Hoàn thành cập nhật chính xác, đầy đủ thông tin, dữ liệu của CBCCVC trên hồ sơ điện tử, thực hiện đồng bộ lên CSDL quốc gia về CBCCVC. Hoàn thành đầy đủ số lượng hồ sơ CBCCVC trên CSDL quốc gia đúng với số lượng CBCCVC hiện đang có mặt.

- Hoàn thành việc ký cam kết không gây phiền hà, sách nhiễu đến cán bộ, công chức, viên chức thuộc đối tượng thực hiện ký cam kết. Tổ chức thực hiện kê khai tài sản theo quy định.

5. Cải cách tài chính công

- Ủy ban nhân dân đặc khu chỉ đạo các phòng, ban, cơ quan, đơn vị thực hiện đổi mới, tăng cường thu, chi ngân sách tại Văn bản số 124/UBND-TCKH ngày 18/12/2025; rà soát lại Quy chế chi tiêu nội bộ đối với các đơn vị thực hiện cơ chế tự chủ; Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công cập nhật những quy định, nội dung mới đúng quy định.

- Tiến hành công bố công khai dự toán ngân sách Nhà nước năm 2026 của Ủy ban nhân dân đặc khu và các văn bản khác theo quy định.

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

- Bổ sung trang thiết bị, máy móc, kết nối mạng internet cho các phòng, ban, đơn vị đảm bảo kết nối, liên thông giữa các đơn vị đảm bảo đủ điều kiện để gửi và nhận văn bản điện tử hoàn toàn trên môi trường mạng.

- Trang bị đầy đủ thiết bị, máy móc, kết nối mạng internet tại Trung tâm Phục vụ hành chính công đặc khu phục vụ cho việc cung cấp dịch vụ công và giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo thông suốt.

- Tổ chức cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tham gia các lớp đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ, năng lực, bổ sung kiến thức về công nghệ, chuyển đổi số.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hành chính, cung cấp dịch vụ công. Khai thác hiệu quả các Cơ sở dữ liệu (CSDL) như: CSDL hộ tịch, CSDL dân cư, CSDL tổ chức, doanh nghiệp, CSDL ngành giáo dục; CSDL quản lý đô thị và bản đồ... cũng như các nền tảng số, hạ tầng số hỗ trợ phát triển đô thị thông minh của thành phố.

- Khai thác, vận hành hiệu quả Hệ thống Văn phòng điện tử HP.eOffice, triển khai quy trình khép kín từ dự thảo, trình ký, ban hành trên hệ thống; triển khai đầy đủ việc lập hồ sơ công việc và nộp lưu về cơ quan theo quy định.

- Thực hiện công khai, minh bạch các hoạt động chỉ đạo, điều hành của đặc khu; cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ cho người dân và doanh nghiệp trên Cổng thông tin điện tử đặc khu theo quy định.

- Triển khai hiệu quả, thông suốt các Hệ thống thông tin giải quyết TTHC chuyên ngành của các Bộ, ngành, Cổng dịch vụ công quốc gia cũng như Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của thành phố.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt tích cực

- Xác định cải cách hành chính là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong năm 2026 của đặc khu, Ủy ban nhân dân đặc khu luôn chú trọng, quyết liệt trong công tác chỉ đạo, điều hành, triển khai công tác cải cách hành chính; tổ chức triển khai đồng bộ, đồng thời bám sát Chương trình, Kế hoạch của Thành phố về cải cách hành chính. Qua đó, công tác cải cách hành chính của đặc khu đã có sự chuyển biến tích cực; cán bộ, công chức nhận thức đầy đủ trách nhiệm trong việc triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính.

2. Tồn tại, hạn chế

Vai trò trách nhiệm của người đứng đầu các phòng, ban, đơn vị đối với cải cách hành chính đã sự chuyển biến tích cực, tuy nhiên còn có thời điểm chưa quyết liệt, đột phá trong chỉ đạo điều hành; công tác nghiên cứu, đề xuất, áp dụng các sáng kiến mang lại hiệu quả cao hơn trong công tác cải cách hành chính trong đơn vị còn hạn chế.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRONG NĂM 2026

1. Phương hướng thực hiện

Tập trung triển khai thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ cải cách hành chính đã được xác định tại Kế hoạch cải cách hành chính đặc khu năm 2026 đảm bảo tiến độ và chất lượng.

2. Nhiệm vụ trong quý IV/2026

- Tiếp tục triển khai thực hiện Văn bản của Trung ương, của thành phố về hoàn thiện chính quyền hai cấp.

- Phấn đấu 100% hồ sơ thủ tục hành chính được giải quyết trước, đúng thời gian quy định, không để nợ đọng hồ sơ; làm tốt công tác hướng dẫn, tạo điều kiện tối đa, không để người dân, tổ chức đến giải quyết thủ tục hành chính phải chờ đợi, đi lại nhiều lần; phấn đấu tỷ lệ người dân, tổ chức hài lòng với chất lượng phục vụ của cán bộ, công chức đặc khu đạt trên 97%.

- Số hóa, lưu trữ đầy đủ hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp tái sử dụng dữ liệu trong thực hiện TTHC.

- Tăng cường công tác tuyên truyền về cải cách hành chính trên các phương tiện thông tin của đặc khu, đặc biệt tập trung vào tuyên truyền lợi ích của dịch vụ công trực tuyến.

- Triển khai hiệu quả các nhiệm vụ tại Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước, Kế hoạch thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính và cơ chế một cửa, một cửa liên thông năm 2026 của thành phố cũng như của đặc khu.

Ủy ban nhân dân đặc khu Bạch Long Vĩ trân trọng báo cáo kết quả triển khai, thực hiện công tác cải cách hành chính nhà nước quý III và phương hướng, nhiệm vụ trong quý IV năm 2026 của đặc khu Bạch Long Vĩ./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- CT, PCT UBND đặc khu;
- Các phòng, ban, đơn vị đặc khu;
- Công TTĐT đặc khu (*để đăng tin*);
- Lưu: VT, TTPVHCC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Hậu

Phụ lục**BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ĐỊNH KỲ***(Kèm theo Báo cáo số 208/BC-UBND ngày 08/9/2026 của UBND đặc khu Bạch Long Vĩ)***Biểu mẫu 1****Công tác chỉ đạo điều hành CCHC**

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành <i>(Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)</i>	Văn bản		
	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm <i>(Lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	%	76	
1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	26	
2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	20	
	Kiểm tra CCHC			
1.	Số đơn vị đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		(Nếu có)
2.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	= b/a*100	
1.1.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	a	
1.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	b	
	Thực hiện nhiệm vụ UBND thành phố, Chủ tịch UBND thành phố giao			
1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	52	
1.1.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	16	Số nhiệm vụ đang

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
				thực hiện trong hạn: 36
.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
.3.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	
2.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng		
3.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2		
4.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	1	

Biểu mẫu 2
Cải cách thể chế

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tổng số VBQPPL¹ do địa phương ban hành	Văn bản		
	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	0	

¹ Văn bản quy phạm pháp luật.

Biểu mẫu 3
Cải cách thủ tục hành chính

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
1.1.	Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	%	100	
1.2.	Số TTHC đang thực hiện tiếp nhận và giải quyết không phục thuộc vào địa giới hành chính	Thủ tục	0	
2.	Kết quả giải quyết TTHC			
2.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	100	
	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>	41	
	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>	41	
2.2.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	100	
	<i>Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)</i>	<i>PAKN</i>	0	
	<i>Số PAKN đã giải quyết xong</i>	<i>PAKN</i>		

Biểu mẫu 4
Cải cách tổ chức bộ máy

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Số liệu về biên chế công chức			
1.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	39	
1.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	31	
1.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	08	
1.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	01	
2.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
2.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	42	
2.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	34	
2.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	

Biểu mẫu 5
Cải cách chế độ công vụ

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	04	
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	05	
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
2.2.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	0	
3.	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)	Người	0	
4.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).		0	
4.1.	Số lãnh đạo UBND cấp xã bị kỷ luật.	Người	0	
4.2.	Số lãnh đạo cấp phòng UBND cấp xã bị kỷ luật.	Người	0	
4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	0	

Biểu mẫu 6
Cải cách tài chính công

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%	21	
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	35.737	
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	7.488	
2.	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị	05	
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	0	
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	01	
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	0	
2.4.1.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	<i>0</i>	
2.4.2.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	<i>0</i>	
2.4.3.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	<i>0</i>	
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	04	
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	0	

Biểu mẫu 7
Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)			
1.1.	Tỷ lệ DVCTT toàn trình đủ điều kiện	%	100	
1.1.1.	<i>Tổng số DVC đủ điều kiện lên trực tuyến toàn trình</i>	<i>Thủ tục</i>	212	
1.1.2.	<i>Số lượng DVCTT toàn trình</i>	<i>Thủ tục</i>	212	
1.2.	Tỷ lệ DVC có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến (toàn trình + một phần)	%	100	
1.2.1.	<i>Tổng số DVCTT có phát sinh hồ sơ (gồm các DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc cả 2 hình thức)</i>	<i>Thủ tục</i>	04	
1.2.2.	<i>Số DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến</i>	<i>Thủ tục</i>	04	
1.3.	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	%	100	
1.3.1.	<i>Tổng số hồ sơ của DVCTT toàn trình (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)</i>	<i>Hồ sơ</i>	41	
1.3.2.	<i>Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT toàn trình</i>	<i>Hồ sơ</i>	41	
1.4.	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến một phần	%	100	
1.4.1.	<i>Tổng số hồ sơ của DVCTT một phần (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)</i>	<i>Hồ sơ</i>	0	
1.4.2.	<i>Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT một phần</i>	<i>Hồ sơ</i>	0	
1.5.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	100	
1.5.1.	<i>Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)</i>	<i>Thủ tục</i>	43	
1.5.2.	<i>Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia</i>	<i>Thủ tục</i>	43	